TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀM YÊN** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: **36**/2024/HS-ST
Ngày 04 - 7 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM YÊN, TỈNH TUYÊN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Nguyễn Đức Tùng.
- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà Ma Thị Như Trang.
2. Ông Vũ Ngọc Lâm.

- *Thư ký phiên toà*: Bà Phạm Thị Thu Hương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên toà*: Ông Phạm Trung Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hàm Yên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai theo hình thức số hóa hồ sơ vụ án hình sự thụ lý số 34/2024/TLST-HS, ngày 04 tháng 6 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 33/2024/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 6 năm 2024 và Thông báo hoãn phiên tòa số 06/2024/TB-TA ngày 21/6/2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **TRẦN THÀNH V** (tên gọi khác: Không); Sinh ngày 23/10/1988 tại tỉnh Tuyên Quang;

- Nơi cư trú: Thôn 7, xã Thái B, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang;

- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do;

- Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam sinh hoạt tại Chi bộ thôn 7, xã Thái Bình, huyện Yên Sơn thuộc Đảng bộ xã Thái Bình, huyện Yên Sơn (Đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định số 106-QĐ/UBKTHU, ngày 18/6/2024 của Ủy ban kiểm tra Huyện ủy Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang).

- Họ và tên cha: Trần Khắc T, sinh năm 1963; Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1968; Anh chị em ruột: Có 02 người, bị cáo là thứ nhất; Vợ: Đỗ Thị O, sinh năm 1993 (Đã ly hôn năm 2022); Con: Có 01 người, sinh năm 2015;

- Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không;

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú. *Có mặt*

- Bị hại:

1. Ông Hà Trọng H, sinh năm 1980.

Nơi cư trú: Thôn L, xã Đ, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

2. Bà Tiêu Thanh T, sinh năm 1992.

Nơi cư trú: Thôn G, xã Đ, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

(Ông H và bà T đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Thành V sinh năm 1988, trú tại thôn 7, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang (có bằng Kỹ sư chuyên ngành Quản lý đất đai). Ngày 01/01/2018, V ký hợp đồng làm việc không xác định thời hạn với Trung T Kỹ Thuật Tài nguyên và Môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tuyên Quang, đến ngày 18/6/2019 chấm dứt hợp đồng làm việc đối với V. Sau khi nghỉ việc bị cáo V lao động tự do tại địa phương, do không có tiền chi tiêu cá nhân, lợi dụng những kiến thức có được trong quá trình làm việc tại Trung T kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tuyên Quang và sự thiếu hiểu biết của các bị hại trong thực hiện các thủ tục hành chính về đất đai và nghĩa vụ tài chính khi làm thủ tục chuyển nhượng, tặng cho, chuyển mục đích sử dụng đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để đưa ra các thông tin gian dối khiến các bị hại tin tưởng, giao tiền đặt cọc thuê làm các thủ tục hành chính về đất đai sau đó chiếm đoạt tiền để chi tiêu các nhân. Trong khoảng thời gian từ tháng 7/2022 đến tháng 02/2023, Trần Thành V đã 02 lần lừa đảo chiếm đoạt tài sản của 02 bị hại trên địa bàn huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Tháng 7/2022, Trần Thành V đến nhà ông Nguyễn Xuân T, sinh năm 1952, trú tại thôn Cây X, xã Đ, huyện H để tư vấn các thủ tục hành chính về đất đai đối với thửa đất của gia đình ông T, tại nhà ông T, bị cáo V gặp ông Hà Trọng H, sinh năm 1980, trú tại thôn L, xã Đ, huyện H. Thấy bị cáo V hiểu biết về trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên ông Hà Trọng H đặt vấn đề nhờ bị cáo V làm thủ tục nhận chuyển nhượng, nhận tặng cho đối với 03 thửa đất gồm:

- Thửa đất thứ nhất có diện tích (09x50)m tiếp giáp đường ĐH05 Đức Ninh - Hùng Đức đã được Ủy ban nhân dân huyện Hàm Yên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 904901 ngày 21/6/2007 mang tên hộ ông Hà Hải Q, sinh năm 1950 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1954, trú tại thôn L, xã Đ (bố mẹ đẻ của ông H), mục đích sử dụng: Đất trồng cây hàng năm khác. Trước khi nhờ bị cáo V tư vấn thủ tục nhận tặng cho quyền sử dụng đất thì thửa đất nêu trên đã bị thay đổi hiện trạng do ông H đã đổ bê tông lên bề mặt đất và dựng lán bằng cột sắt, lợp mái tôn để làm vườn ươm cây giống. Đối với thửa đất này ông H có nhu cầu làm thủ tục nhận tặng cho từ

ông Hà Hải Q và đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới mang tên ông H, đồng thời chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng cây hàng năm khác thành đất ở.

- Thửa đất thứ hai có diện tích (10 x 30)m đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 904917 ngày 21/6/2007 cho hộ ông Phạm Vũ H, sinh năm 1964 và bà Đỗ Thị T, sinh năm 1966, trú tại thôn L, xã Đ; mục đích sử dụng: Đất trồng lúa. Ông H và bà T đã chuyển nhượng thửa đất này cho mẹ đẻ của ông H là bà Nguyễn Thị N. Sau đó bà N đã tặng cho em trai ông H là Hà Xuân H. Thời điểm tháng 7/2022, thửa đất đã bị thay đổi hiện trạng do đã đổ đất lên bề mặt, đổ bê tông làm đường đi lại và làm vườn ươm cây. Ông H có nhu cầu làm thủ tục chuyển nhượng từ ông Phạm Vũ H và bà Đỗ Thị T sang tên ông Hà Xuân H và đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới mang tên của ông Hà Xuân H.

- Thửa đất thứ ba cũng thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 904901 do UBND huyện Hàm Yên cấp ngày 21/6/2007 mang tên hộ ông Hà Hải Q và bà Nguyễn Thị N, mục đích sử dụng: Đất trồng cây hàng năm khác.Trong đó, ông Q tặng cho anh trai ông H là Hà Sơn H thửa đất có kích thước (30 x 50)m và tặng cho em gái ông H là Hà Mai H thửa đất có kích thước (33 x 50)m. Do đó, ông H có nhu cầu làm thủ tục tặng cho từ ông Hà Hải Q sang tên ông Hà Sơn H và bà Hà Mai H, đồng thời cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới mang tên của ông Hà Sơn H và bà Hà Mai H.

Sau khi nghe ông H nói sơ lược về vị trí, nguồn gốc và hiện trạng các thửa đất, bị cáo V và ông H đã trực tiếp đến xem hiện trạng các thửa đất và phô tô các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giấy tờ có liên quan chuyển cho bị cáo V nghiên cứu để tư vấn. Qua quan sát trực tiếp hiện trạng thửa đất và các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp, bị cáo V biết rõ thửa đất đã bị thay đổi hiện trạng thì không thể làm được thủ tục chuyển nhượng, tặng cho và đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới. Tuy nhiên, do cần tiền chi tiêu cá nhân nên bị cáo V đã nảy sinh ý định nói dối ông H rằng sẽ làm được các thủ tục chuyển nhượng, tặng cho, chuyển mục đích sử dụng đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất trên theo đúng yêu cầu của ông H để ông H tin tưởng mà giao tiền cho bị cáo V. Để tạo lòng tin của ông H, bị cáo V hẹn ông H sẽ bố trí thời gian để mang máy lên trích đo các thửa đất trên.

Ngày 28/7/2022, bị cáo V mang theo 01 (một) chiếc máy chuyên dụng dùng để trích đo đến các thửa đất của ông H để trích đo thửa đất, mục đích để ông H tin tưởng rằng bị cáo V có khả năng làm được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H. Sau đó, bị cáo V cam đoan với ông H sẽ làm được các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo yêu cầu của ông H với tổng số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), trong đó ông H phải chuyển trước cho bị cáo V số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) để đặt cọc, sau khi nhận được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì sẽ

thanh toán nốt số tiền còn lại, thời gian làm xong là 04 tháng kể từ ngày nhận tiền đặt cọc. Sau khi bị cáo V đặt vấn đề, ông H đồng ý thuê bị cáo V "dịch vụ" làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất nêu trên.

Sáng ngày 08/8/2022, ông H hẹn bị cáo V đến nhà của vợ chồng ông H thuê tại thôn Chợ Bợ 2, xã Bình Xa, huyện Hàm Yên để nhận tiền đặt cọc thuê "dịch vụ" làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hồi 09 giờ 33 ngày 08/8/2022, ông Hà Trọng H đã sử dụng tài khoản 0860186286386 mở tại Ngân hàng MB Bank chuyển số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) đến tài khoản 34110001003168 mở tại Ngân hàng BIDV của bị cáo V. Sau khi chuyển tiền, ông H đưa cho bị cáo V bản phô tô các giấy tờ liên quan đến các thửa đất nêu trên.

Sau khi nhận được tiền, bị cáo V đã sử dụng toàn bộ số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) nhận từ ông H để chi tiêu cá nhân và không làm bất cứ thủ tục hành chính gì liên quan đến việc nhận chuyển nhượng, nhận tặng cho và đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất nêu trên. Biết bị cáo V không làm được, ông H đã gọi điện thoại nhiều lần và nhắn tin cho bị cáo V yêu cầu trả lại số tiền 20.000.000đ nhưng bị cáo không trả. Sau khi Cơ quan CSĐT Công an huyện Hàm Yên đã khởi tố vụ án hình sự, ngày 06/12/2023 bị cáo V mới trả lại số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) cho ông H.

Lần thứ hai: Bà Tiêu Thanh T, sinh năm 1992, trú tại thôn Gạo Đình, xã Đức Ninh, huyện Hàm Yên và chồng là ông Trần Mạnh L, sinh năm 1988 có 01 thửa đất diện tích 150m^2 tại thôn Gạo Đình, xã Đức Ninh, huyện Hàm Yên do bố mẹ đẻ của ông L là ông Trần Sỹ T, sinh năm 1959 và bà Trần Thị B, sinh năm 1962 tặng cho, thửa đất đã được UBND huyện Hàm Yên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX531139 ngày 02/12/2016 mang tên ông T và bà B, diện tích 112m^2, mục đích sử dụng là đất trồng cây lâu năm. Vợ chồng bà T có nhu cầu làm thủ tục nhận tặng cho và đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới mang tên vợ chồng bà T, đồng thời chuyển mục đích sử dụng 50m^2 từ đất trồng cây lâu năm sang đất ở. Mặc dù thửa đất có mục đích sử dụng là đất trồng cây lâu năm nhưng năm 2017, vợ chồng bà T đã xây dựng 01 ngôi nhà 02 tầng kiên cố với diện tích 135m^2.

Trong sinh hoạt hằng ngày, bà Tiêu Thanh T nghe được thông tin bị cáo Trần Thành V làm thuê các thủ tục hành chính về đất đai nên bà T đã xin được số máy điện thoại di động của bị cáo V (không nhớ xin số điện thoại của ai). Sau đó, bà T chủ động gọi điện thoại cho bị cáo V để đặt vấn đề nhờ bị cáo V làm giúp thủ tục nhận tặng cho và đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên. Qua điện thoại, bị cáo V hẹn bà T sẽ đến nhà ở của vợ chồng bà T để trao đổi.

Khoảng 09 giờ sáng ngày 14/02/2023, bị cáo V đến nhà ở của vợ chồng bà T để hỏi về thửa đất mà vợ chồng bà T đang có nhu cầu làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bà T đã đưa cho bị cáo V xem bản phô tô Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX531139 do UBND huyện Hàm Yên cấp ngày 02/12/2016 và nói với bị cáo V nhu cầu làm thủ tục tặng cho và đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới mang tên vợ chồng bà T; đồng thời chuyển mục đích sử dụng 50m^2 từ đất trồng cây lâu năm thành đất ở. Sau khi xem Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX531139 và thực trạng thửa đất, bị cáo V biết rõ thửa đất của vợ chồng bà T đã xây dựng công trình kiên cố trên đất trồng cây lâu năm nên không thể làm được thủ tục nhận tặng cho và đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới, cũng không thể chuyển mục đích sử dụng từ đất trồng cây lâu năm thành đất ở.

Tuy nhiên, do cần tiền chi tiêu cá nhân nên bị cáo V đã nói dối bà T rằng sẽ làm được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chuyển mục đích sử dụng 50m^2 từ đất trồng cây lâu năm thành đất ở đúng theo yêu cầu của vợ chồng bà T với tổng chi phí là 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng), thời gian làm xong là 03 tháng kể từ ngày nhận tiền đặt cọc. Nghe bị cáo V đưa ra mức phí như vậy, bà T thấy số tiền mà bị cáo V đưa ra cao nên đã nói với bị cáo V xem xét giảm bớt. Thấy vậy, bị cáo V đã giảm mức tiền còn 90.000.000đ (Chín mươi triệu đồng), đồng thời yêu cầu bà T phải chuyển trước cho bị cáo V 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) đặt cọc, khi nào làm xong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì vợ chồng bà T phải chuyển nốt cho bị cáo V 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng). Nghe bị cáo V nói vậy, bà T đồng ý thuê bị cáo V làm các thủ tục nhận tặng cho và đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đối với thửa đất nêu trên. Sau khi thỏa thuận thống nhất, bị cáo V rời khỏi nhà bà T nhưng để tạo lòng tin của bà T nên khoảng 10 giờ 30 cùng ngày, bị cáo V quay lại và mang theo máy chuyên dụng đo đạc rồi trực tiếp trích đo thửa đất của vợ chồng bà T, trích đo xong bị cáo V ra về.

Hồi 11 giờ 17 phút cùng ngày, bị cáo V chủ động nhắn qua ứng dụng Zalo cho bà Tiêu Thanh T 01 tin nhắn với nội dung *"Hôm nay ngày 14.2.2023 tôi có nhận của chị T thôn Gạo Đình xã Đức Ninh. Huyện Hàm Yên. Tỉnh Tuyên Quang số tiền 40.000.000đ để đo đạc làm thủ tục sang tên và chuyển mục đích sử dụng đất*" kèm theo là ảnh chụp 02 mặt thẻ căn cước công dân của bị cáo V; mục đích để bà T tin tưởng chuyển số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) cho bị cáo V. Đúng như bị cáo V mong muốn, sau khi nhận được tin nhắn qua ứng dụng Zalo, bà T hoàn toàn tin tưởng bị cáo V sẽ làm được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chuyển mục đích sử dụng đất nên đã nói với ông Trần Mạnh Lực sử dụng tài khoản 0670122339999 mở tại Ngân hàng MB Bank chuyển số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) đến tài khoản 34110001003168 mở tại Ngân hàng BIDV của bị cáo V.

Sau khi về nhà, bị cáo V tự in ra mảnh trích đo địa chính thửa đất của vợ chồng bà T, bản trích đo địa chính này do bị cáo V tự làm, không do các cơ quan, tổ chức được Nhà nước cấp phép trích đo thực hiện nên không có giá trị pháp lý. Tuy nhiên,

bị cáo V cố ý in và đưa bản trích đo cho vợ chồng bà T để đi xin chữ ký các hộ giáp ranh, qua đó làm cho vợ chồng bà T tin tưởng mà không đòi lại số tiền đã chuyển cho bị cáo V.

Khoảng 09 giờ ngày 20/02/2023, bị cáo V đến nhà ở của vợ chồng bà T và đưa cho bà T bản trích đo địa chính thửa đất và bảo bà T đi xin chữ ký của 2 hộ giáp ranh là ông Trần Quốc T, sinh năm 1957 và ông Hà Văn Â, sinh năm 1955 cùng trú tại thôn Gạo Đình, xã Đức Ninh, huyện Hàm Yên. Sau khi đưa bản trích đo cho bà T, bị cáo V đi đến thị trấn Vĩnh Tuy, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang để xem cây cảnh.

Khoảng 10 giờ 30 ngày 20/02/2023, do cần tiền chi tiêu cá nhân nên bị cáo V gọi điện thoại cho bà T hỏi vay số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng), bà T đồng ý. Sau đó bà T đã nhờ em rể là ông Vũ Đình N, sinh năm 1984, trú tại thôn T, xã Đ chuyển số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) từ tài khoản Ngân hàng VietinBank số 102804888889 đến tài khoản Ngân hàng BIDV số 34110001003168 của bị cáo V.

Bà T và ông L cầm bản trích đo thửa đất mà bị cáo V đưa cho đi xin chữ ký của 02 hộ giáp ranh, nhưng phát hiện địa chỉ thửa đất ghi sai từ "thôn Gạo Đình" thành "thôn Gò Đình" nên bà T đã báo với bị cáo V để chỉnh sửa lại. Khoảng đầu tháng 3/2023, bị cáo V mang bản trích đo địa chính thửa đất đã chỉnh sửa đúng địa chỉ thôn Gạo Đình đến đưa cho ông Trần Mạnh L, sau đó ông L cùng với bị cáo V đi xin chữ ký của 2 hộ giáp ranh. Sau khi xin chữ ký xong bị cáo V cầm toàn bộ các bản trích đo về rồi vứt bỏ (không xác định được vị trí) vì không có giá trị pháp lý.

Ngày 14/5/2023 là thời điểm hết 03 tháng mà bị cáo V hứa hẹn sẽ làm xong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chuyển mục đích sử dụng đất cho vợ chồng bà T, nhưng không thấy bị cáo V báo đã làm xong nên bà T đã gọi điện cho bị cáo V để thúc giục. Bị cáo V nói dối bà T rằng vẫn đang làm và chắc chắn sẽ làm được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T. Sau đó, thi thoảng bà T gọi điện thoại, nhắn tin qua ứng dụng Zalo cho bị cáo V để hỏi xem làm được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hay chưa nhưng bị cáo V vẫn nói dối quanh co để bà T tin tưởng mà không đòi lại tiền đặt cọc. Sau khi không trả lời nhiều tin nhắn của bà T và biết Cơ quan CSĐT Công an huyện Hàm Yên đang xác minh tin báo về tội phạm, ngày 09/8/2023, bị cáo V gọi cho bà T qua ứng dụng Zalo và nói rõ với bà T rằng không thể làm được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng bà T, bà T đã yêu cầu bị cáo V trả lại tổng cộng 55.000.000đ (Năm mươi lăm triệu đồng) đã nhận từ vợ chồng bà T trong đó có 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) đặt cọc để thuê "dịch vụ" làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) bị cáo V hỏi vay, đồng thời cung cấp cho bị cáo V số tài khoản ngân hàng của bà T nhưng đến ngày 06/12/2023 bị cáo V mới trả lại số tiền 55.000.000đ (Năm mươi lăm triệu đồng) nêu trên cho vợ chồng bà T.

Tại bản cáo trạng số 36/CT-VKSHY, ngày 03/6/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang đã truy tố bị cáo Trần Thành V về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Trần Thành V tiếp tục khai nhận hành vi phạm tội của mình. Nội dung lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên toà hoàn toàn phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra.

Kết thúc phần hỏi, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố đối với Trần Thành V theo tội danh, điều luật đã nêu trong cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Thành V, phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

+ Về hình phạt: Đề nghị áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 65 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Trần Thành Vtừ 02 (Hai) năm đến 02 (Hai) năm 3 (Ba) tháng tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định.

+ Về hình phạt bổ sung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

+ Về trách nhiệm dân sự: Do bị cáo Trần Thành V và các bị hại ông Hà Trọng H, bà Tiêu Thanh T đã thỏa thuận bồi thường xong về phần dân sự và không có ý kiến hay đề nghị gì thêm nên không đề nghị HĐXX giải quyết.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo của những người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Trần Thành V nhất trí với nội dung luận tội của đại diện Viện kiểm sát, không có tranh luận gì. Lời nói sau cùng bị cáo nhận thức được hành vi phạm tội của mình là sai trái và vi phạm pháp luật, bị cáo rất ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, từ trước đến nay bị cáo chưa vi phạm pháp luật và luôn chấp hành tốt chủ trương của Đảng, các chính sách pháp luật của nhà nước, bị cáo xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị hại ông Hà Trọng H và bà Tiêu Thanh T vắng mặt và trong đơn xin xét xử vắng mặt ông H, bà T có ý kiến: Sau khi sự việc xảy ra, bị cáo V đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình và đã tự nguyện hoàn trả lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt cho ông bà, ông bà đã có đơn rút nội dung tố giác tội phạm đối với bị cáo V; Về trách nhiệm dân sự ông H và bà T không yêu cầu bị cáo V phải bồi thường thêm bất cứ khoản tiền nào khác; Về trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, ông H và T đều đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Trần Thành Vđã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố. Ngoài lời khai nhận tội của bị cáo, hành vi phạm tội của bị cáo còn được chứng minh bằng: Lời khai của các bị hại, người liên quan và các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Từ những chứng cứ trên đã có đủ cơ sở để kết luận: Trong khoảng thời gian từ đầu tháng 7/2022 đến ngày 14/02/2023, tại địa bàn huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang. Bị cáo Trần Thành V đã có hành vi đưa ra thông tin gian dối về việc có thể thực hiện các thủ tục hành chính về đất đai để làm thủ tục chuyển nhượng, tặng cho, chuyển mục đích sử dụng đất, tạo lòng tin nhằm chiếm đoạt tài sản của 02 (hai) bị hại, cụ thể:

Lần 01: Ngày 08/8/2022, bị cáo Trần Thành Vcó hành vi lừa đảo chiếm đoạt 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) của ông Hà Trọng H, sinh năm 1980, trú tại thôn Lập Thành, xã Đức Ninh, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

Lần 02: Ngày 14/02/2023, bị cáo Trần Thành Vcó hành vi lừa đảo chiếm đoạt 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) của bà Tiêu Thanh T, sinh năm 1992, trú tại thôn Gạo Đình, xã Đức Ninh, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

Tổng số tiền bị cáo Trần Thành Vđã lừa đảo chiếm đoạt của các bị hại là 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng).

Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự. Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang truy tố bị cáo về hành vi phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét về tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, đồng thời gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn ở địa phương. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự nhưng phạm tội do cố ý, vì mục đích vụ lợi cho bản thân mà phạm tội nên cần xử phạt bị cáo thật nghiêm minh mới có tác dụng giáo dục cải tạo bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Trong vụ án này bị cáo phạm tội hai lần nên bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét thấy bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên toà đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; Bị cáo tự nguyện bồi thường thiệt hại cho các bị hại; Các bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo; Trong quá trình khi còn công tác bị cáo luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được cơ quan nhà nước ghi nhận (04 năm được Giám đốc Sở tài nguyên và môi trưởng tỉnh

Tuyên Quang tặng danh hiệu Lao động tiên tiến, 01 năm được Giám đốc Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Tuyên Quang tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở); Bị cáo có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được chính quyền địa phương xác nhận; Chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú có V bản xin cho bị cáo được cải tạo tại địa phương nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo Trần Thành V. Hội đồng xét xử xét thấy: Trong vụ án này bị cáo phạm tội 02 lần nhưng các lần phạm tội đều là tội phạm ít nghiệm trọng. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho các bị hại, các bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú có V bản xin cho bị cáo được cải tạo tại địa phương, bị cáo có nhân thân tốt, chưa vi phạm pháp luật, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng. Căn cứ nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo và thể hiện sự khoan hồng của pháp luật nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo.

Sau khi xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo mức án trong khung đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang đề nghị tại phiên toà là phù hợp, có căn cứ pháp luật.

[3] Về tố tụng: Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân, của Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[4] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy bản thân bị cáo không có tài sản riêng, không có thu nhập ổn định và không có chức vụ hay nghề nghiệp gì nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, ngày 06/12/2023 bị cáo Trần Thành Vđã tự nguyện hoàn trả lại cho ông Hà Trọng H và bà Tiêu Thanh T toàn bộ số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt, ông H và bà T đã nhận đủ số tiền trên. Tại phiên tòa các bị hại ông Hà Trọng H và bà Tiêu Thanh T vắng mặt nhưng trong đơn xin xét xử

vắng mặt ông H và bà T không có yêu cầu, đề nghị gì thêm về phần dân sự nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[6] Về các vấn đề khác liên quan đến vụ án:

- Đối với số tiền 15.000.000 đồng, bị cáo Trần Thành V nhận từ bà Tiêu Thanh T ngày 20/02/2023 là giao dịch dân sự, bị cáo V đã trả lại cho bà T nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Ngày 21/5/2023, bị cáo Trần Thành V còn nhận 20.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1985, trú tại thôn Ao Sen 1, xã Đức Ninh, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang để làm hộ các thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày nhận tiền đặt cọc. Quá trình xác minh xác định thửa đất có diện tích 162m^2 tại thôn Ao Sen 1, xã Đức Ninh, huyện Hàm Yên có thể đăng ký được quyền sử dụng đất, bị cáo Trần Thành Vkhông có ý định chiếm đoạt số tiền 20.000.000 đồng của bà V nên không xem xét xử lý. Ngày 07/8/2023, bị cáo Trần Thành Vđã trả lại số tiền 20.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị V nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Bị cáo Trần Thành Vphải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự:

Tuyên bố: Bị cáo Trần Thành V, phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt.

+ Áp dụng: Điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 65 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt: Bị cáo Trần Thành V **02 (Hai)** năm **3 (Ba)** tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **4 (Bốn)** năm **6 (Sáu)** tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 04/7/2024.

Giao bị cáo Trần Thành V cho Ủy ban nhân dân xã Thái Bình, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

"Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo".

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại các Điều 68, 92 Luật thi hành án Hình sự.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội.

- Bị cáo Trần Thành Vphải nộp 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Bị cáo Trần Thành Vcó mặt tại phiên tòa được quyền được kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Các bị hại ông Hà Trọng H, bà Tiêu Thanh T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Hàm Yên;
- Công an huyện Hàm Yên;
- Chi cục THADS huyện Hàm Yên;
- Sở tư pháp tỉnh Tuyên Quang;
- UBKT Huyện ủy Yên Sơn;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng;
- UBND xã Thái Bình, huyện Yên Sơn;
- Hồ sơ vụ án hình sự;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đức Tùng